

I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

- Bài 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945.
- Bài 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954).
- BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975).
- BÀI 9: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ 1945 ĐẾN NAY.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: (Thi theo lịch chung của nhà trường)

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo hình thức: Kết hợp trắc nghiệm 80% (gồm 20 câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn; 3 câu Đ - S) và tự luận 20%.

III/ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Phần trắc nghiệm khách quan: (Hệ thống TNKQ Bài 6,7,8,9 có tài liệu kèm theo)

2. Câu hỏi tự luận tham khảo:

Câu 1: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954, thắng lợi nào đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi? Nêu hoàn cảnh, diễn biến chính và ý nghĩa của thắng lợi đó?

Câu 2: Vẽ trục thời gian thể hiện nội dung chính các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975? Từ đó, nêu những việc em có thể thực hiện để thể hiện lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975?

Câu 3: Vẽ sơ đồ về những bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ 1945 đến nay? Theo em bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?

PHẦN 1; GỢI Ý CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Câu 1. Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu điều kiện khách quan thuận lợi để Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước?

- A.** Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- B.** Đức tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C.** Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- D.** Liên Xô tấn công Nhật Bản tại Đông Bắc Trung Quốc.

Câu 2. Ngày 13/8/1945, khi nhận được tin Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập

- A.** Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- B.** Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.
- C.** Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.
- D.** Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 3. Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (16 đến 17-8-1945) đã quyết định cử ra

- A.** Chính phủ liên hiệp quốc dân.
- B.** Ủy ban lâm thời khu giải phóng.
- C.** Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.
- D.** Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 4. Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh là nội dung của

- A.** quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc (8-1945).
- B.** Tuyên ngôn độc lập của chủ tịch Hồ Chí Minh (9-1945).
- C.** Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương (8-1945)
- D.** Đại hội quốc dân tại Tân Trào – Tuyên Quang (8-1945).

Câu 5. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào – Tuyên Quang(13-8-1945) đã

- A.** cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam.
- B.** thông qua kế hoạch lãnh đạo Tổng khởi nghĩa.
- C.** thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
- D.** tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

Câu 6. Ngày 16 – 8 – 1945, Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đơn vị Giải phóng quân từ Tân Trào tiến về để giải phóng thị xã

A. Lạng Sơn. **B. Thái Nguyên.** C. Tuyên Quang. D. Cao Bằng.

Câu 7. Các tỉnh nào dưới đây giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Bắc Giang, Hải Dương, Bình Định, Quảng Nam. **B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.**

C. Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Quảng Bình. **D. Bắc Giang, Hà Nội, Huế, Sài Gòn.**

Câu 8. Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam?

A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

B. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế thắng lợi.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập.

Câu 9. Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

B. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên giành chính quyền.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập.

D. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi

Câu 10. Cách mạng tháng Tám năm 1945 của nhân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi đã

A. cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vũ trang ở các nước Mỹ Latinh.

B. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền.

C. tạo điều kiện hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

D. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành đảng cầm quyền.

B. Mở đầu một kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do.

C. Chấm dứt vĩnh viễn sự xâm lược và ách cai trị của đế quốc Pháp, Mỹ.

D. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh giải phóng.

Câu 12. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám đã có ý nghĩa như thế nào đối với thế giới ?

A. Góp phần làm đảo lộn và đưa tới thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.

B. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh tự giải phóng.

C. Góp phần đưa đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi.

D. Xây dựng vững chắc thành trì của phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là do

A. sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất.

C. đã tập hợp được lực lượng yêu nước ở mọi mặt trận thống nhất.

D. quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức-Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 14. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. những thắng lợi của phe Đồng minh chống phát xít.

B. tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân.

D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế.

BÀI 7: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP 1945-1954

Câu 1: Một trong những bối cảnh thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) của nhân dân Việt Nam nổ ra là

A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang chủ nghĩa đang hình thành

B. cách mạng CuBa đã giành được thắng lợi.

C. xu thế hòa hoãn Đông-Tây đã xuất hiện

D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại,

Câu 2: Trong năm đầu sau khi được thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thuận lợi nào sau đây?

A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện.

B. Nguy cơ chiến tranh thế giới.

C. Nhân dân làm chủ đất nước.

D. Ngoại xâm, nội phản.

Câu 3. Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

A. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.

B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.

D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.

Câu 4. Chiến dịch Biên giới 1950 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp?

A. Kế hoạch quân sự Rove.

B. Kế hoạch quân sự Nava.

C. Kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi.

D. Kế hoạch “hành quân kép”.

Câu 5. Lí do ta phải kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6.3.1946 với Pháp là gì?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Tưởng kí hiệp ước Hoa Pháp

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 6. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.

B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.

C. chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp

D. làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Câu 7. Vì sao năm 1953 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Na va ?

A. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành lấy một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

Câu 8. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951) đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Lao động Đông Dương.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9. Nhiệm vụ tập hợp, xây dựng lực lượng khối đoàn kết dân tộc ở Việt Nam từ năm 1951 đến năm 1954 do mặt trận nào đảm nhiệm

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Hội Liên Việt.

C. Liên minh nhân dân Việt- Miên- Lào.

D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 10. Quân đội các nước với danh nghĩa Đồng minh vào nước ta sau năm 1945 là

A. quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc.

B. quân Pháp, quân Anh.

C. quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc.

D. quân Anh, quân Mỹ.

Câu 11. Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước khó khăn nào?

A. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Pôttxđam.

B. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.

C. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.

D. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.

Câu 12. Chiến thắng phản công lớn đầu tiên của nhân dân ta từ 1945-1954?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu -đông 1947.

B. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.

C. Cuộc Tiến công chiến lược đông- xuân 1953-1954. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 13. Chiến thắng tiến công lớn đầu tiên của nhân dân ta từ 1945-1954?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu -đông 1947.

B. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.

C. Cuộc Tiến công chiến lược đông- xuân 1953-1954. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 14. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân đế quốc nào sau đây đã quay trở lại xâm lược Việt Nam?

A. Anh

B. Pháp

C. Mỹ

D. Nhật

Câu 15: Hai cứ điểm của địch bị quân ta tiêu diệt trong đợt 1 là gì?

A. Hầm Lam và Điện Biên.

B. Hầm Lam và Điện Biên Phủ.

C. Hầm Lam và Độc Lập.

D. Hầm Lam và Độc Lập.

Câu 16: Tướng Đờ Ca-xto- ri và Bộ chỉ huy tập đoàn diêm Điện Biên Phủ bị bắt sống vào lúc

A. 17 giờ ngày 7-5-1954.

B. 17 giờ 30 phút ngày 6-5-1954.

C. 17 giờ 30 phút ngày 7-5-1954.

D. 17 giờ ngày 5-7-1954.

Câu 17. Văn kiện lịch sử quan trọng nói về đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp do chủ tịch Hồ Chí Minh viết là:

A. Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam.

B. Đề cương văn hoá Việt Nam.

C. Vấn đề dân cày

D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 20. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?

A. Kháng chiến toàn diện.

B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài

C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Câu 21. Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Bôlae. **B. Kế hoạch Nava.** C. Kế hoạch Rove. D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 22. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.

B. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.

C. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

D. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 23. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954 của quân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi có ý nghĩa?

A. quyết định buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ.

B. đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Pháp.

C. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của Pháp.

D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

Câu 24. Vì sao Đại hội Đại biểu toàn quốc lần II (1951) lại quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập ở 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác- Lênin riêng?

A. Do mỗi nước có một đặc điểm lịch sử riêng.

B. Do sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

C. Do nguyện vọng của nhân dân 3 nước.

D. Do xu thế phát triển của thế giới.

Câu 25. Ngày 19-12-1946, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp cho thấy

A. âm mưu cầu kết giữa thực dân Pháp và quân Trung Hoa dân quốc đã thất bại.

B. công cuộc chuẩn bị kháng chiến lâu dài của Việt Nam đã hoàn thiện,

C. nhân dân Việt Nam quyết không nhượng bộ lợi ích tối cao của dân tộc.

D. Đảng và Chính phủ đã chọn đúng thời cơ để phát động cuộc kháng chiến

BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975).

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình Việt Nam trong thời kì 1954-1975?

A. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền.

B. Miền Bắc đã được giải phóng.

C. Miền Nam chưa được giải phóng.

D. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 2. Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ (1954-1956) là

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh chính trị.

C. khởi nghĩa giành quyền làm chủ.

D. bạo lực cách mạng.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** thuộc bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975)

A. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

B. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô ngày càng lớn mạnh.

C. Đế quốc Mỹ thực hiện Chiến lược toàn cầu.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

Câu 4. Mục đích của Mỹ trong việc thay chân Pháp ở miền Nam Việt Nam là

A. giúp đỡ nhân dân miền Nam Việt Nam khắc phục hậu quả của chiến tranh.

B. thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơ -ne-vơ mà Pháp chưa thi hành.

C. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ.

D. thực hiện ý đồ kéo dài và quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương của Mỹ.

Câu 5. Đặc điểm nổi bật nhất của tình hình nước ta sau khi Hiệp định Giơ -ne-vơ năm 1954 về vấn đề Đông Dương được kí kết là

A. Pháp chấm dứt chiến tranh và các hành động quân sự với 3 nước Đông Dương.

B. đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

C. Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, Mĩ âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.

D. Pháp rút khỏi miền Bắc, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Câu 6. Sau Hiệp định Giơ-ne -vơ 1954 về Đông Dương, miền Bắc thực hiện nhiệm vụ nào đầu tiên trong số các nhiệm vụ dưới đây

A. tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, nông thôn.

B. thực hiện khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa.

C. tiến hành công nghiệp hóa, trọng tâm là công nghiệp nặng.

D. tiến hành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh... và làm nghĩa vụ hậu phương.

Câu 7. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954-1975 là gì?

A. Hoàn thành cải cách ruộng đất, hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh đơn phương.

C. Khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ xã hội.

D. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 8. Trong Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) đã xác định Miền Bắc có vai trò như thế nào đối với cách mạng cả nước?

A. Quyết định trực tiếp.

B. Quyết định nhất.

C. Quan trọng nhất.

D. Cơ bản nhất.

Câu 9. Trong Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) đã xác định Miền Nam có vai trò như thế nào đối với sự nghiệp giải phóng MN?

A. Quyết định trực tiếp.

B. Quyết định nhất.

C. Quan trọng nhất.

D. Cơ bản nhất.

Câu 10. Từ năm 1959 đến năm 1965 hình thức đấu tranh chủ yếu của miền Nam là

A. đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

B. đấu tranh chính trị.

C. đấu tranh binh vận.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 11. Trong thời kì 1954 - 1975, phong trào nào sau đây đánh dấu bước chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công?

A. Phá áp chiến lược.

B. Tìm Mĩ mà đánh lũng Ngụy mà diệt.

C. Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công.

D. Đồng khởi.

Câu 12. Nhân dân miền Nam tiến hành phong trào “Đồng khởi” chống lại chính quyền Mĩ – Diệm là vì

A. chính quyền Mĩ – Diệm đàn áp đẫm máu nhân dân miền Nam.

B. lực lượng cách mạng miền Nam đã trưởng thành.

C. nhân dân miền Nam đã có đường lối cách mạng đúng đắn.

D. chính quyền Mĩ – Diệm không chịu thi hành hiệp định Giơnevơ.

Câu 13. Phong trào “Đồng Khởi” mang lại kết quả là

A. phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn.

B. lực lượng vũ trang hình thành và phát triển.

C. nông thôn miền Nam được giải phóng.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 14. “**Xương sông, quốc sách**” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

A. đô thị.

B. quân đội Sài Gòn. **C. ấp chiến lược.**

D. vũ khí Mĩ.

Câu 15. Đại hội nào của Đảng Lao động Việt Nam được xác định là “Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”?

A. Đại hội lần thứ I (1935).

B. Đại hội lần thứ II (1951).

C. Đại hội lần thứ III (1960).

D. Đại hội lần thứ VI (1986).

Câu 16. Chiến lược chiến tranh Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1965 – 1968 là

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 17. Chiến thắng quân sự nào mở màn trong chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Đồng Khởi. **B. Chiến thắng Ấp Bắc.**

C. Chiến thắng Bình Giã. **D. Chiến thắng An Lão.**

Câu 18. Chiến thắng quân sự nào dưới đây của ta làm phá sản về cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ.

C. Chiến thắng Biên giới.

B. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Việt Bắc.

Câu 19. Những thắng lợi quân sự nào làm phá sản hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ấp Bắc, Đồng Xoài, An Lão.

B. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Vạn Tường, núi Thành, An Lão.

Câu 20. Hãy xác định lực lượng tham gia trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở Miền Nam?

A.Được tiến hành bằng quân đội tay sai.

B. Được tiến hành bằng quân đội Sài gòn.

C. Được tiến hành bằng lực lượng đồng minh của Mĩ, quân đội Sài gòn.

D. Được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài gòn.

Câu 21. Chiến lược quân sự mới Mĩ thực hiện trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

A. trực thăng vận, thiết xa vận.

B. dồn dân lập ấp chiến lược.

C. chiến dịch tổ cộng, diệt cộng.

D. hành quân “tìm diệt”.

Câu 22. Điểm mới trong âm mưu của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. mở rộng chiến tranh xâm lược Cam-pu-chia.

B. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào.

C. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

D. mở rộng chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

Câu 23. Chiến thắng nào mở ra khả năng đánh thắng quân Mĩ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ”?

A. Chiến thắng “Ấp Bắc”.

B. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

C. Chiến thắng mùa khô thứ nhất (1965 – 1966).

D. Chiến thắng mùa khô thứ hai (1966 – 1967).

Câu 24. Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh cục bộ”?

A. Chiến thắng mùa khô 1965 – 1966.

B. Chiến thắng mùa khô 1966 – 1967.

C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

D. Chiến thắng Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng.

Câu 25. Lực lượng giữ vai trò quan trọng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là

A. quân đội Sài Gòn.

B. quân viễn chinh Mĩ.

C. quân đồng minh của Mĩ.

D. không quân, hậu cần Mĩ.

Câu 26. Âm mưu của Mĩ khi thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam là

A. tận dụng xương máu người Việt Nam.

B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

C. giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

D. giành lại thế chủ động trên chiến trường, làm chiến tranh của ta tàn lụi dần.

Câu 27. Sự kiện nổi bật nhất đã diễn ra vào ngày 6- 6 - 1969 tại miền Nam Việt Nam là

A. thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

B. thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. thành lập Ủy ban giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. thành lập Hội thanh niên cứu quốc.

Câu 28. Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là

A. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

B. Huế, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

C. Đà Nẵng, Sài Gòn, Đông Nam Bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 29. Mĩ buộc phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam sau thất bại của chiến lược

A. “Chiến tranh đặc biệt”.

B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Câu 30. Đỉnh điểm chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 6 -29/12/1972.

B. Ngày 16 – 29/12/1972.

C. Ngày 16/12/1972 – 27/1/1973.

D. Ngày 18 -29/12/1972.

Câu 31: Thắng lợi nào buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari 1973?

A. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 32. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp tháng 7 năm 1973 là

A. hội nghị lần thứ 15.

B. hội nghị lần thứ 20.

C. hội nghị lần thứ 21.

D. hội nghị lần thứ 23.

Câu 33. Một trong những ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (1/1975) là

A. thất bại tạm thời của quân ngụy Sài Gòn.

B. chúng tỏ sự nỗ lực của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

C. chúng tỏ sức mạnh của chính quyền quyền Sài Gòn.

D. chúng tỏ sự suy yếu của quân đội Sài Gòn, khả năng thắng lớn của quân ta, sự can thiệp hạn chế của Mỹ.

Câu 34. Ba chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 là

A. Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột, Huế - Đà Nẵng. B. Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. D. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Xuân Lộc.

Câu 35. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 đã diễn ra sự kiện nào ở miền Nam?

A. Xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc lập. B. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. D. Châu Đốc được giải phóng.

Câu 36. Một trong những ý nghĩa đối với dân tộc ta của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là

A. Mở ra kỷ nguyên: Độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng CNXH.

B. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình dân chủ trên thế giới..

C. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

D. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước.

Câu 47. Một trong những ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là

A. Mở ra kỷ nguyên: Độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng CNXH.

B. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình dân chủ trên thế giới..

C. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

D. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước.

Câu 48. Nhận định sau nói về ý nghĩa của thắng lợi nào?

“Thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất,..., một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đó là?

A. Giải phóng Huế - Đà Nẵng.

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ.

C. Giải phóng Sài Gòn – Gia Định. **D. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước.**

Câu 49. Nguyên nhân quan trọng nhất đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là

A. có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. có lòng yêu nước, sự đoàn kết nhất trí, chiến đấu dũng cảm của nhân dân ta.

C. có hậu phương miền Bắc không lớn mạnh, đáp ứng kịp thời cho tiền tuyến.

D. có sự ủng hộ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 50. Một trong những nguyên nhân khách quan đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam là

A. sự giúp đỡ của các nước tư bản chủ nghĩa.

B. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. sự giúp đỡ của Cộng đồng châu Âu (EC).

D. sự đoàn kết của nhân dân trong nước.

Câu 51. Điểm giống nhau về ý nghĩa giữa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 và Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 ở Việt Nam là

A. thắng lợi quân sự lớn nhất của ta trong một cuộc kháng chiến.

B. trực tiếp đưa đến kết thúc thắng lợi một cuộc kháng chiến.

C. sử dụng chiến thuật đánh nhanh, thắng nhanh.

D. buộc kẻ thù phải kí hiệp định chấm dứt chiến tranh.

Câu 52. Cách kết thúc của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) khác với cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) ở điểm nào?

A. Kết thúc bằng một giải pháp hiệp định.

B. Kết thúc bằng một thắng lợi quân sự quyết định.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao.

D. Kết thúc bằng một thắng lợi chính trị quyết định.

Câu 53. Bài học kinh nghiệm nào của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được vận dụng trong giải

BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC SAU THÁNG 4 – 1975. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Câu 1: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh trong nước thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Đất nước đã hoàn thành công nghiệp hóa hiện đại hóa.

B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

C. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 2: Điều kiện cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

A. độc lập và thống nhất.

B. xóa bỏ được cấm vận.

C. nhận giúp đỡ bên ngoài.

D. chính trị được ổn định.

Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh thế giới thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

C. Đã hoàn thành triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 4: Điều không phải là khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Xu thế hợp tác giữa các quốc gia.

B. Hậu quả chiến tranh vẫn còn nặng nề.

C. Đất nước bị Mĩ bao vây và cấm vận.

D. Mọi quan hệ với Trung Quốc phức tạp.

Câu 5: Điều không phải là một trong những cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 ở Việt Nam?

A. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 - 1979).

B. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989).

C. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ để thống nhất đất nước.

D. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biên Đông.

Câu 6: Sau khi lên nắm chính quyền, tập đoàn Pôn Pốt đại diện cho "Khơ-me Đỏ" ở Campuchia đã có hoạt động nào đối với Việt Nam?

A. Tiến hành khiêu khích và lấn chiếm lãnh thổ.

B. Giúp Việt Nam hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. Giúp Việt Nam đánh bại quân Trung Quốc.

D. Tiến hành cấm vận nền kinh tế của Việt Nam.

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam trong giai đoạn 1977 - 1978.

A. Kế hoạch đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

B. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh kinh tế.

C. Chỉ đấu tranh quân sự để đánh lui quân Pôn Pốt.

D. Chỉ đấu tranh ngoại giao để đánh lui quân Pôn Pốt.

Câu 8: Tính chất của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam (1975 - 1979) là

A. giải phóng.

B. tự vệ.

C. nội chiến.

D. cải cách.

Câu 9: Năm 1979, Trung Quốc đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam dọc biên giới phía Bắc từ

A. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

B. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Mường Nhé (Điện Biên).

C. Trùng Khánh (Cao Bằng) đến Phong Thổ (Lai Châu).

D. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Đồng Văn (Hà Giang).

Câu 10: Về quản lý hành chính trên Biển Đông, Chính phủ Việt Nam có hành động nào sau đây vào năm 1982?

A. Thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

B. Tiến hành tổng tuyển cử trên cả nước và ở đảo.

C. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Hoàng Sa.

D. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Trường Sa.

Câu 11: Để thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Nhà nước Việt Nam đã

A. tăng cường tuần tra, chốt giữ và xây dựng bia chủ quyền.

B. nghiêm cấm nhân dân ra biển để đánh bắt thủy hải sản.

C. tiến hành tổng tuyển cử tự do trên cả nước và các đảo lớn.

D. ngăn cản ngư dân đóng tàu lớn để đánh bắt hải sản ở biển.

Câu 12: Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở Biển Đông?

A. Cho phép ngư dân Trung Quốc tiến hành ra biển khai thác thủy hải sản.

B. Đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa.

- C. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển
D. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông

Câu 13: Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam ở Biển Đông?

A. Đưa giàn khoan Hải Dương - 981 đến hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

- B. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển
C. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông
D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế của Trung Quốc.

Câu 14: Nhằm thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam đã có hành động gì để quét sạch quân xâm lược của tập đoàn Kho-me Đỏ?

A. Tổ chức cuộc tiến công chiến lược. B. Đánh phá vùng bình định lần chiếm.

C. Tổ chức cuộc phản công tiêu diệt. D. Đánh phá vùng sau lưng của địch.

Câu 15: Trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 1979, cuộc chiến đấu ở biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Đánh đổ phát xít. B. Giải phóng dân tộc. C. Đánh đổ tư sản. **D. Bảo vệ Tổ quốc.**

Câu 16: Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mĩ và quân đội Sài Gòn. **B. Quân Khơ me Đỏ và quân Trung Quốc.**

C. Quân viễn chinh Mĩ và quân Trung Quốc. D. Quân đội Sài Gòn và quân Kho-me Đỏ.

Câu 17: Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Campuchia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn Pốt diệt chủng ở Campuchia.

C. Tăng cường tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của Việt Nam và Campuchia.

Câu 18: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975?

A. Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá của các thế lực thù địch.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

C. Góp phần bảo vệ độc lập dân tộc, hòa bình ở Đông Dương và khu vực Đông Nam Á.

D. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

trên phạm vi cả nước.

Câu 19: Nội dung nào sau đây không phải là bài học lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay?

A. Phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.

B. Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

C. Tăng cường liên minh quân sự với các nước lớn. D. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Câu 20: Ở Việt Nam, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, trong đó

A. sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định. B. sức mạnh thời đại là yếu tố quyết định.

C. sức mạnh dân tộc chưa được phát huy. D. sức mạnh quốc tế chưa được phát huy.

PHẦN 2: CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc Việt Nam (8 - 1945) có viết: “Hỡi quân dân toàn quốc! ... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục. Giờ Tổng khởi nghĩa đã đánh! Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà...”

(Hệ thống tư liệu lịch sử gốc trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nguyễn Văn Ninh – Trang 357)

a. Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là phát xít Nhật.

b. Phát xít Nhật đầu hàng là yếu tố khách quan thuận lợi để ta Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

c. Thời cơ “ngàn năm có một” cho Tổng khởi nghĩa kết thúc khi Phát xít Nhật đầu hàng .

d. Cách mạng muốn thành công cần đúng thời cơ và điều kiện khách quan là yếu tố quyết định thắng lợi.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, được vận dụng linh hoạt, sáng tạo. Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên

cường trong đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước và một trận dân tộc thống nhất được củng cố, mở rộng, lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

a. Tư liệu trên nói về nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945.

b. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quyết định dẫn tới thắng lợi của cách mạng.

c. Mặt trận dân tộc thống nhất trong tư liệu là Mặt trận Việt Minh, sau đó là Liên Việt.

d. Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp là thắng lợi của lực lượng vũ trang nhân dân.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau:

“... Lính Mĩ có mặt ở Việt Nam vào cuối năm 1964 là 26.000 người đến cuối năm 1965 lên tới 180.000 người và 20.000 lính của các nước thân Mĩ. Đó là chưa kể đến 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ của Mĩ ở Guam, Philippin và Hạm đội 7 luôn sẵn sàng tham chiến ở miền Nam...”

... khi Giôn-xơn thông báo quyết định đưa 44 tiểu đoàn Mĩ vào miền Nam Việt Nam và chấp nhận chiến lược “tìm diệt” của Oét-mô-len, một quyết định đã vượt qua ngưỡng cửa bước vào cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á”, thì cuộc chiến tranh xâm lược của mỹ vào miền Nam Việt Nam đã bước vào giai đoạn mới-giai đoạn “chiến tranh cục bộ”.

(Trích Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III. NXB Giáo Dục. Năm 2006. Tr201)

a. Đoạn tư liệu đề cập đến chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam. Đ

b. Quân các nước thân Mĩ chiếm số lượng đông nhất trong lực lượng tham chiến trên chiến trường trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. S

c. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” không có sự khác biệt về thủ đoạn, chỉ có sự khác biệt về âm mưu và quy mô. S

d. Ngay khi triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam đã cho thấy sự thất bại trong việc thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ. Đ

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,."

Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hòa bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất".

(Trích SGK Lịch sử 12, bộ "Kết nối tri thức với cuộc sống", tr.57).

a. Sử dụng bạo lực vũ trang là nguyên tắc của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo hiện nay.

b. Xây bia chủ quyền là một trong những hoạt động thực thi chủ quyền biển đảo của Chính phủ Việt Nam hiện nay.

c. Ngăn cản ngư dân đánh bắt hải sản ở Biển Đông là hành động thể hiện thiện chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam.

d. Chính phủ Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo bằng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.